

Số: *52* /KH-UBND

Yên Định, ngày *30* tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH

Tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn huyện Yên Định

Thực hiện Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 05/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. Ủy ban nhân dân huyện Yên Định ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn huyện Yên Định như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá toàn diện tình hình triển khai và kết quả thực hiện trên địa bàn huyện về các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; xác định rõ những kết quả nổi bật đã đạt được, chỉ rõ những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

- Đề xuất định hướng, giải pháp, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2030 phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết, đánh giá phải bảo đảm tính toàn diện, khoa học, thiết thực, hiệu quả; đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ với việc tổng kết thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và việc sơ kết, tổng kết khác có liên quan...

- Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể phải bảo đảm đầy đủ, đánh giá chính xác, toàn diện kết quả đạt được các nội dung cải cách hành chính (theo Đề cương tổng kết và các phụ lục kèm theo kế hoạch); trong đó tập trung làm rõ kết quả so với mục tiêu, làm rõ mục tiêu đạt được, nguyên nhân những mục tiêu không đạt được; việc tổng hợp, phân tích các số liệu thống kê phải làm rõ kết quả đạt được trong thực hiện Chương trình tổng thể theo từng giai đoạn (giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016 - 2020). Đồng thời, đề xuất những định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đạt được, thời gian hoàn thành và phân công cụ thể cho các ngành, các cấp chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

- Gắn việc tổng kết với công tác thi đua - khen thưởng, xác định những hình thức khen thưởng phù hợp đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN TỔNG KẾT

1. Nội dung tổng kết

Thực hiện theo Đề cương tổng kết đính kèm Kế hoạch này.

2. Thời gian thực hiện

a. Đối với cấp xã:

- UBND các xã, thị trấn tiến hành tổng kết trong phạm vi quản lý; đề xuất phương hướng, nội dung chủ yếu cải cách hành chính giai đoạn 2021 – 2030 của địa phương, đơn vị.

- Xây dựng Kế hoạch và Báo cáo tổng kết gửi về UBND huyện (qua phòng Nội vụ trước ngày **20/4/2020**; Tổ chức hội nghị tổng kết: Hoàn thành trước ngày **25/4/2020**.

b. Đối với cấp huyện:

UBND huyện xây dựng Kế hoạch và báo cáo kết quả tổng kết về UBND tỉnh và Sở Nội vụ trước ngày **30/4/2020**; Tổ chức hội nghị tổng kết, dự kiến trong **quý II/2020**.

c. Trong quá trình tổng kết và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, cần thực hiện các phương pháp:

- Tổ chức đánh giá; lấy ý kiến đánh giá trực tiếp của người dân, doanh nghiệp về kết quả cải cách hành chính. Tiến hành khảo sát, điều tra xã hội học để đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Yên Định.

- Tổ chức lấy ý kiến tham gia vào báo cáo tổng kết và dự thảo phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

3. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và thời gian thực hiện

- Các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức tổng kết trong phạm vi quản lý; xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, gửi UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) Kế hoạch và Báo cáo tổng kết trước ngày **20/4/2020**.

- Các phòng chuyên môn UBND huyện tổng hợp số liệu thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, báo cáo UBND huyện (qua phòng Nội vụ) trước ngày **10/4/2020**.

(Cụ thể nhiệm vụ của các đơn vị theo Đề cương và các phụ lục đính kèm)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch tổng kết.

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo các nội dung tại Mục II.3, II.4, phần thứ nhất; mục 3,4 phần thứ hai và Phụ lục số 4, số 5 của Đề cương tổng kết kèm theo Kế hoạch này.

- Tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương; xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể, đề xuất nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 báo cáo UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện trước ngày **22/4/2020**.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị, tổng hợp, đề xuất công tác thi đua khen thưởng.

- Phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND huyện tổ chức hội nghị tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 cấp huyện.

- Phối hợp với phòng Văn hoá - Thông tin huyện tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về những kết quả nổi bật đã đạt được, những sáng kiến điển hình, giải pháp hiệu quả trong cải cách hành chính.

- Chủ trì lập dự toán kinh phí triển khai tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 trình UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

2. Phòng Tư pháp

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo các nội dung tại Mục II. 1, phần thứ nhất; mục 1 phần thứ hai (Về thể chế) và Phụ lục số 2 của Đề cương tổng kết kèm theo Kế hoạch này.

- Thời gian nộp báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày **10/4/2020**.

3. Văn phòng HĐND-UBND huyện

- Phối hợp với Phòng Nội vụ tổ chức hội nghị tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo các nội dung tại Mục II. 2, phần thứ nhất; mục 2 phần thứ hai (Về thủ tục hành chính) và Phụ lục số 3 của Đề cương tổng kết kèm theo Kế hoạch này.

- Thời gian nộp báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày **10/4/2020**.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo các nội dung tại Mục II.5, phần phần thứ nhất; mục 5 phần thứ hai (Về tài chính công) và Phụ lục số 6 của Đề cương tổng kết kèm theo Kế hoạch này.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu cho UBND huyện bố trí kinh phí cho việc tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020.

- Thời gian nộp báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày **10/4/2020**.

5. Phòng Văn hoá - Thông tin

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo các nội dung tại Mục II.6, phần phần thứ nhất; mục 6 phần thứ hai (Về hiện đại hoá hành chính) và Phụ lục số 7 của Đề cương tổng kết kèm theo Kế hoạch này.

- Chỉ đạo Trung tâm VH-TT-TT&DL huyện thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về những kết quả nổi bật đã đạt được, những sáng kiến điển hình, giải pháp hiệu quả trong cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020.

- Thời gian nộp báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày **10/4/2020**.

6. Các phòng chuyên môn UBND huyện

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện việc tổng hợp, báo cáo số liệu thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách theo đúng thời gian quy định.

7. Các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị

- Xây dựng Báo cáo tổng kết công tác CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030 theo đúng Đề cương kèm theo Kế hoạch này.

- Tổ chức thực hiện công tác tổng kết nghiêm túc, bảo đảm chất lượng, tiến độ thời gian; hình thức tổ chức tổng kết phù hợp, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; gắn với biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình tổng thể tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc (nếu có).

- Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về những kết quả nổi bật đã đạt được trong thực hiện cải cách hành chính, những sáng kiến điển hình, các giải pháp hiệu quả trong cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương, địa phương.

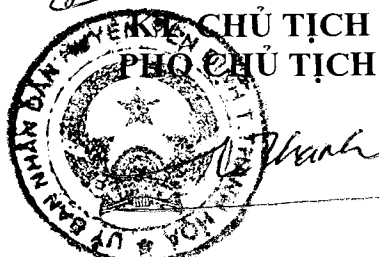
- Bố trí kinh phí bảo đảm cho việc tổng kết theo quy định.

- Thời gian nộp Kế hoạch và báo cáo tổng kết về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày **20/4/2020**.

8. Trung tâm VH-TT-TT&DL huyện xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- CT UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nội vụ (để b/c);
- TTr Huyện ủy, TTr HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng CM UBND huyện (để t/h);
- Các xã, thị trấn (để t/h);
- Lưu: VT, NV


CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Xuân Thành

**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 – 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN ĐỊNH**

(Kèm theo Kế hoạch số: 58 /KH-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện Yên Định)



STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/ Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả
1	Các xã, thị trấn tổ chức tổng kết; xây dựng kế hoạch, báo cáo tổng kết theo Đề cương, phụ lục kèm theo Kế hoạch này.	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị chủ động tổ chức tổng kết trong phạm vi ngành, địa phương; - Gửi UBND huyện (qua phòng Nội vụ): Kế hoạch tổ chức và Báo cáo tổng kết CCHC giai đoạn 2011-2020 để tổng hợp trước ngày 20/4/2020. 	- UBND các xã, thị trấn.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức; - Báo cáo tổng kết của đơn vị
2	Xây dựng các báo cáo tổng kết chuyên đề theo lĩnh vực			
2.1	Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện cải cách thể chế.	Trước ngày 10/4/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Phòng Tư pháp - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan 	Báo cáo tổng kết đánh giá chuyên đề Cải cách thể chế
2.2	Kết quả triển khai theo dõi nhiệm vụ UBND tỉnh giao trên phần mềm.	Trước ngày 10/4/2020	- Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND&UBND	Báo cáo kết quả thực hiện; đánh giá từng năm từ khi triển khai phần mềm
2.3	Công tác cải cách thủ tục hành	Trước ngày 10/4/2020	- Cơ quan chủ trì: Văn phòng	Báo cáo tổng kết đánh

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/ Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả
	chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.		UBND huyện - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan	giá chuyên đề Cải cách thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa (trước khi thực hiện và từ khi thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP)
2.4	Đổi mới công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính thông qua công cụ Chỉ số cải cách hành chính.	Trước ngày 10/4/2020	Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chấm điểm chỉ số CCHC hàng năm
2.5	Việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các ngành, các cấp.	Trước ngày 10/4/2020	Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm.
2.6	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	Trước ngày 10/4/2020	Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện.

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/ Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả
2.7	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.	Trước ngày 10/4/2020	Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện
2.8	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	Trước ngày 10/4/2020	- Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ - Các cơ quan có liên quan	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện.
2.9	Việc thực hiện cải cách tài chính công; thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công.	Trước ngày 10/4/2020	- Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính - Các cơ quan có liên quan	Báo cáo tổng kết đánh giá nội dung Tài chính công
2.10	Việc triển khai đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn	Trước ngày 10/4/2020	- Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính - Các cơ quan có liên quan	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện.
2.11	Việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và ISO 9001:2015.	Trước ngày 10/4/2020	- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế hạ tầng - Các cơ quan có liên quan	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện.

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/ Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả
2.12	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và xây dựng Chính quyền điện tử.	Trước ngày 10/4/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hoá – thông tin. - Các cơ quan có liên quan 	Báo cáo tổng kết thực hiện nội dung Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.
2.13	Kết quả triển khai và thực hiện cung cấp dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4.	Trước ngày 10/4/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hoá – Thông tin - Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND huyện; các cơ quan liên quan 	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện.
2.14	Việc thực hiện Nghị quyết số 19 hàng năm của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; Nghị quyết số 35/NQ-CP về việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.	Trước ngày 10/4/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Phòng Tài chính kế hoạch - Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế hạ tầng, Các cơ quan có liên quan. 	Báo cáo tổng kết đánh giá việc thực hiện.
2.15	Kết quả đổi mới cơ chế, chính sách, xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ văn hóa, thể	Trước ngày 10/4/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hoá - Thông tin - Cơ quan phối hợp: Phòng Tài chính; các cơ quan liên quan 	Các cơ quan có liên quan

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì/ Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả
	thao và du lịch.			
3	Xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết; đề xuất nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 xin ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan.	Trước ngày 10/4/2020	- Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ - Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND huyện; các phòng Tài chính, Tư pháp, kinh tế hạ tầng, Văn hoá; các cơ quan liên quan	Dự thảo Báo cáo tổng kết
4	Đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.	Trong quý II/2020	- Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ - Cơ quan phối hợp: các ngành, địa phương	Các Quyết định khen thưởng của cơ quan có thẩm quyền
5	Tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn huyện	Trong quý II/2020	UBND huyện; Các phòng, ban, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan	Hội nghị tổng kết;
6	Trình Chủ tịch UBND huyện ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước huyện giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch cải cách hành chính huyện giai đoạn 2021 - 2025.	Ngay sau khi UBND tỉnh ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.	- Cơ quan chủ trì: Phòng Nội vụ - Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND huyện; các phòng: Tài chính, Tư pháp, Kinh tế hạ tầng, văn hoá TT các cơ quan liên quan	Kế hoạch cải cách hành chính huyện Yên Định giai đoạn 2021 - 2025.

ĐỀ CƯƠNG
Tổng kết chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG
THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI¹

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 (gọi tắt là Chương trình tổng thể) của Ủy ban nhân dân huyện, các xã, thị trấn và các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện.

- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của đơn vị; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác cải cách hành chính;

- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực);

- Công tác theo dõi, đánh giá (đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; đánh giá sự hài lòng của cơ quan, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước);

- Những mô hình, sáng kiến trong cải cách hành chính đã được triển khai, áp dụng (nêu tên mô hình, sáng kiến, Quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận sáng kiến...);

- Công tác thi đua khen thưởng trong cải cách hành chính...

2. Kiểm tra việc thực hiện

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm.

- Đánh giá tác động của công tác kiểm tra đến sự chuyển biến trong công tác triển khai cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị; những vấn đề lớn đã phát hiện và xử lý sau kiểm tra.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm.

- Kết quả thực hiện kế hoạch: nội dung thông tin, tuyên truyền, các hình thức thông tin, tuyên truyền đã triển khai; mức độ hoàn thành kế hoạch; đánh giá hiệu quả của thông tin tuyên truyền đối với đội ngũ công chức, viên chức của huyện đến người dân, doanh nghiệp và xã hội.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

b) Tồn tại, hạn chế

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO
CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

¹ Đối với cấp huyện: Phòng Nội vụ chủ trì, tổng hợp báo cáo mục này.

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được; mặt chưa đạt được, nguyên nhân cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế²

1.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của ngành, địa phương trên cơ sở Hiến pháp năm 2013.

b) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, địa phương, trong đó, tập trung các nội dung:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL, việc tuân thủ quy trình xây dựng văn bản QPPL pháp luật.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, địa phương.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Nêu cụ thể tình hình xây dựng ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

c) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, địa phương:

- Việc tổ chức triển khai: Kết quả, đánh giá tác động của các thể chế đó đến các mặt của đời sống xã hội (phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an sinh xã hội...)

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, địa phương.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

2. Cải cách thủ tục hành chính³

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, của UBND tỉnh.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo các quy định.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành, địa phương.

- Việc cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của UBND tỉnh.

² Cấp huyện: Phòng Tư pháp chủ trì, báo cáo

³ Cấp huyện: Văn phòng HĐND-UBND chủ trì, báo cáo

d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

đ) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

e) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính⁴

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn cấp huyện, của đơn vị, địa phương.

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy, trong đó nêu rõ mức độ tuân thủ quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy của ngành, địa phương.

- Kết quả thực hiện các quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy: Số lượng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc tăng, giảm qua các đợt sắp xếp tổ chức bộ máy theo các Nghị quyết của Trung ương; Chương trình hành động của Chính phủ: tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chông chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Tình hình quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của ngành, địa phương.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương (theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành, địa phương).

c) Về phân cấp quản lý

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương.

- Việc thực hiện các quy định phân cấp tại ngành, địa phương.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, địa phương đã phân cấp cho cơ quan hành chính cấp dưới.

- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

đ) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

e) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (UBND cấp huyện báo cáo cụ thể nội dung này, cấp xã không phải báo cáo).

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

⁴ Cấp huyện: Phòng Nội vụ chủ trì, báo cáo

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức⁵

4.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức.

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của ngành, địa phương: Việc tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh; thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý; chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính; đổi mới công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

b) Về cán bộ, công chức cấp xã (đối với các xã, thị trấn)

- Cơ cấu, số lượng

- Chất lượng

4.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

5. Cải cách tài chính công⁶

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

b) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước trong huyện.

c) Tăng cường đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công – tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng.

đ) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

6. Về hiện đại hóa hành chính⁷

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

⁵ Cấp huyện: Phòng Nội vụ chủ trì, báo cáo

⁶ Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, báo cáo

⁷ Cấp huyện: Phòng VH-TT chủ trì, phối hợp VP HĐND-UBND huyện báo cáo.

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của ngành, địa phương; thực hiện các nhiệm vụ về Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của đơn vị.

b) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị ...

+ Số đơn vị có mạng WAN, LAN, số đơn vị kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

+ Số lượng chữ ký số được cấp cho cán bộ, công chức.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan:

+ Số đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước; hiện trạng kết nối giữa các hệ thống quản lý và bản và điều hành với Trục liên thông văn bản quốc gia.

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ

+ Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng (tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng)

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai các hệ thống một cửa điện tử;

+ Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (nêu số dịch vụ cung cấp, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ, số hồ sơ được giải quyết trực tuyến, hiện trạng tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh, hiện trạng công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ...)

- Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử, tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử;

c) Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị. 6.2.

Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung cải cách không đạt được hoặc đạt được mức độ thấp.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2020 - 2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa

phương, các đơn vị đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm cần thiết mà các ngành, địa phương phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030, đề nghị tập trung vào những nội dung sau:

1. Về thể chế⁸
2. Về thủ tục hành chính⁹
3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước¹⁰
4. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức¹¹
5. Về tài chính công¹²
6. Về hiện đại hóa hành chính¹³

Phần thứ ba **NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Kiến nghị với cấp có thẩm quyền về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác

PHỤ LỤC KÈM THEO

⁸ Cấp huyện: Phòng Tư pháp tham mưu, đề xuất

⁹ Cấp huyện: Văn phòng HĐND-UBND huyện tham mưu, đề xuất

¹⁰ Cấp huyện: Phòng Nội vụ tham mưu, đề xuất.

¹¹ Cấp huyện: Phòng Nội vụ tham mưu, đề xuất.

¹² Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu đề xuất.

¹³ Cấp huyện: Phòng VH-TT chủ trì, phối hợp Văn phòng HĐND-UBND tham mưu đề xuất

Phụ lục 1
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của các ngành, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Các ngành, địa phương										
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)	
1	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành các ngành, địa phương đã tham mưu ban hành (văn bản đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)											
-	Văn bản của HĐND, UBND huyện											
2	Số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC											
3	Tuyên truyền CCHC											
-	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức =1, Không tổ chức =0)											
-	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh											
-	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC											
-	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Công TTĐT của tỉnh, ngành, địa phương (Có xây dựng =1, Không xây dựng =0)											
-	Các hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có): nêu tên các hình thức tuyên truyền											
4	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai, áp dụng											
5	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị											

STT	Chỉ tiêu	Các ngành, địa phương									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)
-	Bộ tiêu chí đánh giá tại đơn vị trực thuộc										
-	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã										
-	Bộ tiêu chí đánh giá cơ quan ngành dọc tại địa phương										
6	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức										
-	Số lượng dịch vụ đã khảo sát										
-	Số lượng mẫu đã khảo sát										
-	Mức độ hài lòng chung										

Phụ lục 2
Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế

STT	Nhiệm vụ/ tiêu chí	Huyện/Các xã, thị trấn ¹⁴									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành										
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện									
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện									
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã									
	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã										
2	Số VBQPPL được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát										
3	Số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát										
4	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền										
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền										
6	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý										
7	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa QPPL										

¹⁴ Phòng Tư pháp báo cáo kết quả toàn huyện. Các xã, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị mình.

Phụ lục 3¹⁵
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu	Huyện/các xã, thị trấn									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)
1	Tổng số TTHC ¹⁶										
-	Số lượng TTHC cấp huyện										
-	Số lượng TTHC cấp xã										
-	Số lượng TTHC do tỉnh ban hành (được giao trong Luật)										
2	Số lượng TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của tỉnh như: giảm thời gian giải quyết...)										
3	Số lượng TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Công/Trang thông tin điện tử)										
4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông										
-	Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả sở, ngành										
-	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp										

¹⁵ Văn phòng HĐND-UBND tổng hợp, báo cáo chung toàn huyện.

¹⁶ Các xã, thị trấn thống kê TTHC thuộc phạm vi quản lý; Văn phòng HĐND-UBND huyện thống kê số liệu toàn huyện.

STT	Chỉ tiêu	Huyện/các xã, thị trấn									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)
	<i>nhận tại Bộ phận một cửa cấp huyện</i>										
-	<i>Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp xã</i>										
-	<i>Số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp</i>										
-	<i>Số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền</i>										
-	<i>Số TTHC đã thực hiện 4 tại chỗ</i>										
5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC ¹⁷										
-	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp tỉnh giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/ đã trả đúng hạn)</i>										
-	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/ đã trả đúng hạn)</i>										
-	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/ đã trả đúng hạn)</i>										
6	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC										
-	<i>Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong</i>										

¹⁷ Các xã, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị; Văn phòng HĐND-UBND huyện báo cáo kết quả toàn huyện

STT	Chỉ tiêu	Huyện/các xã, thị trấn									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)
	<i>năm</i>										
-	<i>Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm</i>										
-	<i>Số lượng PAKN được xử lý và công khai kết quả trả lời trên cổng TTĐT</i>										

Phụ lục 4¹⁸
Thống kê và so sánh số lượng tổ chức thuộc
(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019)

I. Số lượng, cơ cấu tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện¹⁹

Đơn vị	Giai đoạn	Số đơn vị hành chính cấp xã	Số phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Số văn phòng, thanh tra thuộc UBND cấp huyện	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Ghi chú
	Giai đoạn 2001-2010 (tính đến 12/2010)					
	Giai đoạn 2011-2020 (tính đến 12/2019)					

II. Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập theo các lĩnh vực

Giai đoạn	Sự nghiệp GD-ĐT ²⁰	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH, TDTT	Sự nghiệp khác	Ghi chú
Giai đoạn 2001-2010 (tính đến 12/2010)					
Giai đoạn 2011-2020 (tính đến 12/2019)					

¹⁸ Phòng Nội vụ tổng hợp báo cáo

¹⁹ Phòng Nội vụ tổng hợp báo cáo

²⁰ Phòng GD-ĐT báo cáo

Phụ lục 5²¹

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các ngành, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Huyện/Các ngành, địa phương ²²										
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)	
1	Tổng số biên chế cán bộ, công chức											
-	<i>Tổng số được giao</i>											
-	<i>Tổng số có mặt</i>											
2	Tổng số biên chế viên chức ²³											
-	<i>Tổng số được giao</i>											
-	<i>Tổng số có mặt</i>											
3	Số công chức được tuyển dụng theo hình thức thi cạnh tranh											
4	Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển cạnh tranh											
5	Số lượng cán bộ, công chức được tinh giản biên chế											
6	Số lượng cán bộ, công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm											
7	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm											
8	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng											

²¹ Phòng Nội vụ tổng hợp chung toàn huyện.

²² Các xã, thị trấn báo cáo số liệu đơn vị.

²³ Phòng GD-ĐT báo cáo số liệu sự nghiệp GD toàn huyện

Phụ lục 6²⁴

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công của các ngành, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Huyện/Các ngành, địa phương										
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)	
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ											
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ											
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</i>											
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên</i>											
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</i>											
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên</i>											
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ											
-	<i>Số đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư</i>											
-	<i>Số đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo</i>											

²⁴ Các xã, thị trấn báo cáo số liệu của đơn vị; Phòng TC-KH tổng hợp chung toàn huyện.

STT	Chi tiêu	Huyện/Các ngành, địa phương									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)
	<i>chi thường xuyên</i>										
-	<i>Số đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên</i>										
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ										
-	<i>Số đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư</i>										
-	<i>Số đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên</i>										
-	<i>Số đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên</i>										
5	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP										

Phụ lục 7²⁵

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực hiện đại hóa hành chính của các ngành, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Huyện/Các ngành, địa phương									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)
1	Tỷ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử										
2	Số đơn vị kết nối Trục liên thông VBQG										
3	Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông VBQG										
4	Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông VBQG										
5	Số lượng chữ ký số										
6	Tỷ lệ công chức có hộp thư điện tử										
7	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản										
8	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc										
9	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng/Trang Thông tin điện tử										

²⁵ Các xã, thị trấn, cơ quan UBND huyện báo cáo số liệu của đơn vị; Phòng VH-TT chủ trì, tổng hợp báo cáo chung toàn huyện

10	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4										
11	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ										
12	Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử										
13	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử										
14	Số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có bằng công bố ISO										